

*Bản án số: 154 /2023/HNGĐ - ST
Ngày 07 - 7- 2023
V/v tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Hoàng Văn Long và Vũ Ngọc Yến;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Tuấn Anh – Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên toà ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 296/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXX - ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn H sinh năm 1984.

Trú tại: Tiểu khu P, thị trấn P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Chị N có mặt, anh H đã được triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Văn H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tháng 10 năm 2019 tại UBND thị trấn P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại tiểu khu P, thị trấn P. Vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận chỉ được một thời gian ngắn còn lại toàn là mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên, to tiếng, xô sát... Bản thân chị cố gắng nín nhịn nhưng phía anh H ngày càng tỏ ra quá đáng nên tháng 3/2022 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã T và sống ly thân với anh H từ đó đến nay.

Do vợ chồng không còn tình cảm vì ly thân đã lâu, cuộc sống hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Lan C sinh ngày 10/9/2019 hiện đang ở với chị N, ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Điều không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn Vũ Văn H:

Quá trình tố tụng, anh H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định, tuy nhiên anh H vẫn cố tình không đến Tòa làm việc.

Theo bà Nguyễn Thị T, mẹ đẻ anh H cung cấp:

Anh H, chị N kết hôn với nhau từ năm 2019. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với gia đình bà tại tiểu khu P, thị trấn P. Vợ chồng chung sống được vài tháng đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến đầu năm 2022 thì chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T sống ly thân với anh H; Nay chị N xin ly hôn, anh H và gia đình đều biết và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị N vẫn cương quyết thì gia đình và anh H cũng đồng ý ly hôn đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh H; Các vấn đề về con chung, tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng đúng như lời chị N trình bày, gia đình không có ý kiến gì.

UBND thị trấn P nơi cư trú của đương sự có quan điểm:

Mâu thuẫn giữa anh H, chị N đã trầm trọng, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và ly thân với anh H từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Xét thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, hôn nhân chỉ là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật; Vợ chồng có 01 con chung như N trình bày, ly hôn, do chị N, anh H đều có khả năng nuôi con chung, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật và nhu cầu của hai bên mà giao con chung cho anh H hoặc chị N nuôi dưỡng cho phù hợp; Tài sản chung, công chung UBND xã không nắm rõ nhưng không thấy khiếu kiện gì liên quan đến vợ chồng H, N tại địa phương.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện chị Nguyễn Thị Thanh N, áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh H; Giao con chung của vợ chồng cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H; Các vấn đề về tài sản chung, công nợ chung chị N khẳng định không có, không đề nghị Tòa xét nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại tiểu khu P, thị trấn P, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do Bị đơn đã được triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do, thuộc trường hợp đương sự cố tình lẩn tránh nên Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh N vốn là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P (Đăng ký kết hôn số 61 quyền số 01 năm 2019). Tuy nhiên , quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp, không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi và... khiến chị N không chịu đựng nổi phải ôm con bỏ về nhà mẹ đẻ, sống ly thân với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh H đều cố tình vắng mặt chứng tỏ anh H cũng không mong muốn được hòa giải đoàn tụ; Xác minh tại UBND thị trấn P cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội đoàn tụ...

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, hôn nhân nếu có tồn tại cũng không còn ý nghĩa...nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Lan C sinh ngày 10/9/2019 hiện đang ở với chị N. Ly hôn, chị Nga đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; Xác minh tại địa phương thì cả anh H chị N đều có khả năng nuôi con chung... Tuy nhiên, do con chung hiện đang sinh sống ổn định với chị N, chị N có nguyện vọng nuôi con chung, bản thân anh H không chịu đến Tòa để thể hiện quan điểm về con chung... Nên, để đảm bảo cho sự ổn định và sự phát triển bình thường của con chung, cần giao con chung Vũ Lan C cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lẽ. Do chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị N khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không đề nghị Tòa xét. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của đương sự vắng mặt, phân tài sản chung, công nợ chung cần tách ra để xem xét thành một vụ án khác khi một trong hai hoặc cả hai bên có yêu cầu.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Chị N, anh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thanh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Vũ Lan C sinh ngày 10/9/2019; Tạm miễn cho anh Vũ Văn H việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0048047 ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phùng Văn Phong

